

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/DS-ST

Ngày: 29/7/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp Đ đặt cọc*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nghiêm Đình Ché và ông Trương Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Bích Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp Đ đặt cọc*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-DS ngày 05/7/2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh Hạ Bá Q, sinh năm 1983. Có mặt

Trú tại: Thôn Đông Yên, xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1981. Có mặt

Trú tại: Thôn Thân Thượng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - Anh Q trình bày: Ngày 01/6/2019 anh có mua của anh Nguyễn Văn Đ 01 xe ô tô nhãn hiệu Vios BKS 99A-153.85, Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Đ. Khi mua hai bên thỏa thuận giá trị chiếc xe là 500.000.000 Đ (Năm trăm triệu Đ). Anh đã đặt cọc cho anh Đ số tiền 200.000.000 Đ (Hai trăm triệu Đ) vào cùng ngày 01/6/2019 và anh Đ có giao cho anh 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô trên. Sau đó anh Đ đã tự viết 01 Giấy biên nhận tiền đặt cọc có chữ ký của anh Đ. Hai bên thống nhất anh Đ phải có trách nhiệm hoàn tất thủ tục mua bán sang tên cho anh trong vòng 07 ngày thì anh sẽ trả nốt anh Đ số tiền còn lại. Do chưa có nhu cầu sử dụng xe nên anh vẫn để anh Đ sử dụng chiếc xe làm phương tiện đi lại. Hết thời hạn theo thỏa thuận anh Đ chưa thực hiện cam kết, anh có yêu cầu anh Đ một là bàn giao xe cho anh, hai là trả anh tiền nhưng anh Đ đều không thực hiện. Nay anh

Hạ Bá Q yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ phải trả lại số tiền đặt cọc là 200.000.000 Đ và tiền phạt cọc là 60.000.000 Đ.

Bị đơn - Anh Đ trình bày: Ngày 01/6/2019 anh có viết 01 Giấy biên nhận tiền đặt cọc xe để bán xe ô tô nhãn hiệu Vios BKS 99A-153.85 mang tên Nguyễn Văn Đ cho anh Hạ Bá Q với giá 500.000.000 Đ (Năm trăm triệu Đ). Anh Q đã đặt cọc cho anh số tiền 200.000.000 Đ (Hai trăm triệu Đ) vào cùng ngày 01/6/2019 và anh đã tự viết 01 Giấy biên nhận tiền đặt cọc, nội dung giấy biên nhận thể hiện anh đã nhận số tiền 200.000.000 Đ và cam kết anh phải có trách nhiệm hoàn tất thủ tục mua bán sang tên cho anh Q trong vòng 07 ngày thì anh Q sẽ trả nốt cho anh số tiền còn lại như anh Q trình bày là đúng. Tuy nhiên, thực chất giữa hai bên không có việc mua bán xe mà là anh vay tiền của anh Q nên anh Q yêu cầu viết Hợp Đ đặt cọc này và đưa giấy tờ xe để làm tin. Anh vay anh Q 200.000.000 Đ với lãi suất 3.000 Đ/1 triệu/1 ngày. Nhưng giữa 2 bên không viết Hợp Đ vay tiền. Sau đó anh đã trả anh Q đủ số tiền lãi theo lãi suất 3.000 Đ/1 triệu/1 ngày từ ngày 01/6/2019 đến ngày nào cụ thể anh không nhớ, tầm khoảng 6 tháng, với số tiền 18.000.000 Đ (Mười tám triệu Đ)/1 tháng. Tổng anh đã trả anh Q là 108.000.000 Đ tiền lãi. Việc thỏa thuận lãi và trả lãi này cũng không có giấy tờ gì. Sau khi giao kết, anh vẫn sử dụng chiếc xe làm phương tiện đi lại và chưa bàn giao cho anh Q. Do kinh tế gặp khó khăn nên anh không trả được anh Q tiền lãi nữa. Tiền gốc anh vẫn khát anh Q. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Q thì anh Đ ý trả anh Q số tiền gốc 200.000.000 Đ, tiền lãi anh xin anh Q. Nếu anh Q không Đ ý thì anh Q trả anh nốt số tiền 300.000.000 Đ , anh sẽ bàn giao xe cho anh Q theo đúng Hợp Đ đặt cọc giữa 2 bên.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn thừa nhận có việc thỏa thuận mua bán xe ô tô với anh Q và có viết 01 Giấy biên nhận tiền đặt cọc như anh Q cung cấp nhưng chỉ Đ ý trả 200.000. 000 Đ tiền đặt cọc và không Đ ý trả 60.000.000 Đ tiền phạt cọc do không có lỗi.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội Đ xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hạ Bá Q. Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải trả cho anh Q số tiền đặt cọc là 200.000.000 Đ và tiền phạt cọc là 60.000.000 Đ, tổng cộng là 260.000.000 Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội Đ xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Q yêu cầu anh Đ phải trả số tiền đặt cọc là 200.000.000đ theo Hợp Đ đặt cọc lập ngày 01/6/2019. Anh Đ cư trú tại thôn Thân Thượng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Phong đã thụ lý, giải quyết vụ án “Tranh chấp hợp Đ đặt cọc” là đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại khoản 3, Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ngày 01/6/2019 anh Hạ Bá Q có mua của anh Nguyễn Văn Đ 01 xe ô tô nhãn hiệu Vios BKS 99A-153.85, Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Đ. Khi mua hai bên thỏa thuận giá trị chiếc xe là 500.000.000 Đ (Năm trăm triệu Đ). Anh Q đã đặt cọc cho anh Đ số tiền 200.000.000 Đ (Hai trăm triệu Đ) vào cùng ngày 01/6/2019. Anh Đ đã tự viết 01 Giấy biên nhận tiền đặt cọc có chữ ký của anh Đ. Hai bên thống nhất anh Đ phải có trách nhiệm hoàn tất thủ tục mua bán sang tên cho anh Q trong vòng 07 ngày thì anh Q sẽ trả nốt anh Đ số tiền còn lại. Hết thời hạn theo thỏa thuận anh Đ chưa thực hiện cam kết, anh Q có yêu cầu anh Đ một là bàn giao xe cho anh, hai là trả anh tiền nhưng anh Đ đều không thực hiện. Nay anh Hạ Bá Q yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ phải trả lại số tiền đặt cọc là 200.000.000 Đ là có căn cứ và được chấp nhận.

Xét yêu cầu trả tiền phạt cọc của nguyên đơn: Theo khoản 2 Điều 328 BLDS quy định nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp Đ thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trong trường hợp này việc hợp Đ giao kết không thực hiện được là do lỗi của bên bán. Số tiền anh Q yêu cầu phạt cọc 60.000.000 Đ là phù hợp. Do vậy, yêu cầu tiền phạt cọc của anh Q được chấp nhận.

Từ những phân tích trên Hội Đ xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hạ Bá Q yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ phải trả số tiền đặt cọc là 200.000.000 Đ và tiền phạt cọc là 60.000.000 Đ, tổng cộng là 260.000.000 Đ.

[3] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 164, 166, 328 BLDS năm 2015; Điều 26, 35, 147, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hạ Bá Q.

Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải trả cho anh Hạ Bá Q số tiền đặt cọc là 200.000.000 Đ và phạt cọc là 60.000.000 Đ, tổng cộng là 260.000.000 Đ (Hai trăm sáu mươi triệu Đ).

Anh Hạ Bá Q phải trả lại anh Nguyễn Văn Đ 01 Giấy chứng nhận xe ô tô số 020779 Biển kiểm soát 99A 153.85 mang tên Nguyễn Văn Đ khi anh Đ đã trả đủ 260.000.000 Đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, các bên không thỏa thuận được lãi suất thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Anh Đ phải chịu 13.000.000 Đ án phí DSST.

Trả lại anh Q 5.000.000 Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0004309 ngày 04/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nghiêm Đình Chế

Trương Văn Tiến

Nguyễn Anh Văn

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh BN;*
- *VKSND huyện YP;*
- *Thi hành án huyện YP;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Anh Văn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA